TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/DS-ST
Ngày 20/7/2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị H1 Nhu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng và bà Nguyễn Thị Bích Liên.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Bích Thủy - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2020 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2020/QĐST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/QĐ-ST ngày 02/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương (có mặt).

Bị đơn:

1. Anh Trần Văn C, sinh năm 1979;

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương;

Hiện đang lao động tại Đài Loan (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn anh Nguyễn Đức H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào các ngày 15/4/2018 và ngày 05/5/2018, anh có cho vợ chồng anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị H1 vay tổng số tiền là 130.000.000 đồng. Cụ thể: Ngày 15/4/2018 cho vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay

là 01 năm (đến ngày 15/4/2019 trả), vay không lãi suất; ngày 05/5/2018 cho vay 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm (đến ngày 05/5/2019 trả), vay không lãi suất. Khi vay tiền, hai bên có lập văn bản là "giấy vay tiền", anh C trực tiếp điền các thông tin vào giấy vay tiền như họ tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ, số tiền vay, ngày vay rồi cả anh C và chị H1 cùng ký, ghi rõ họ tên vào phần "người vay tiền" và đưa giấy này cho anh giữ. Mặc dù hai bên không thỏa thuận lãi suất nhưng anh C, chị H1 hứa sẽ trả cho anh tiền lãi là 4.000.000 đồng/tháng. Sau khi vay tiền, anh C chị H1 không thực hiện việc trả lãi cho anh như đã hứa, anh có giục vợ chồng chị H1 trả tiền nhưng anh C, chị H1 không có tiền trả nên ngày 26/6/2018, chị H1 đã tự viết giấy vay tiền với nội dung chị H1 vay của anh số tiền 20.000.000 đồng, hạn trả vào ngày 15/4/2019 và ký, ghi họ tên vào phần người vay tiền. Đây không phải là tiền anh cho chị H1 vay mà là chị H1 tự nguyện trả lãi các khoản tiền đã vay cho anh nhưng do chưa có tiền trả nên mới viết giấy vay tiền như vậy để anh yên tâm và không giục trả tiền nữa. Tuy nhiên, đã hết hạn vay theo giấy vay tiền, anh nhiều lần yêu cầu anh C, chị H1 trả nợ nhưng đến nay vợ chồng anh C, chị H1 vẫn chưa trả cho anh khoản tiền nào. Do đó, anh khởi kiện yêu cầu anh C, chị H1 phải trả lại anh số tiền còn nợ là 150.000.000 đồng, trong đó có 130.000.000 đồng nợ gốc và 20.000.000 đồng lãi suất. Quá trình làm việc tại Tòa án, anh H rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu anh C, chị H1 phải trả số tiền gốc đã vay là 130.000.000 đồng theo giấy vay nợ ngày 15/4/2018 và ngày 05/5/2018, không yêu cầu vợ chồng anh C phải trả tiền lãi là 20.000.000 đồng theo giấy vay nợ ghi ngày 26/6/2018 do chị H1 ký và không yêu cầu phải trả khoản lãi nào khác. Hiện nay, anh C đã đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan nhưng anh không biết địa chỉ cụ thể ở đâu nên không thể cung cấp cho Tòa án được.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, bị đơn là chị Nguyễn Thị H1 trình bày: Chị và anh Trần Văn C là vợ chồng. Do cần tiền làm ăn nên vào năm 2018, vợ chồng chị đã vay của anh H tổng số tiền 130.000.000 đồng, thời gian và cách thức vay đúng như nội dung anh H trình bày ở trên. Các giấy vay tiền mà anh H xuất trình cho Tòa án đúng là giấy vay tiền do anh C viết và anh chị cùng ký tên. Mặc dù trong giấy vay tiền không viết lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 2000 đồng/1 triệu/1 ngày. Sau khi vay tiền, do việc làm ăn khó khăn, anh chị không trả được lãi như thỏa thuận, anh H đã yêu cầu chị chuyển tiền lãi thành tiền gốc nên chị đã viết giấy vay tiền ngày 26/6/2018 với nội dung chị vay của anh H số tiền là 20.000.000 đồng. Từ khi vay tiền đến nay, anh chị chưa trả được cho anh H khoản tiền nào. Nay anh H yêu cầu vợ chồng chị phải trả anh H tổng số tiền gốc đã vay là 130.000.000 đồng, chị nhất trí và sẽ thu xếp trả dần cho anh H. Hiện nay anh C chồng chị đang lao động ở Đài Loan, chị không biết địa chỉ cụ thể của anh C ở Đài Loan vì anh C đã trốn ra ngoài làm, tuy nhiên anh chị vẫn liên lạc qua điện thoại với

nhau. Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án cùng các văn bản, giấy tờ khác của Tòa án, chị đã gọi điện và thông báo cho anh C biết nhưng anh C không nói gì.

Ông Trần Văn Huyền (là bố anh C) xác định chữ ký và chữ viết trong giấy vay nợ ghi ngày 15/4/2018 và ngày 05/5/2018 mà Tòa án cho ông xem đúng là chữ ký và chữ viết của anh C con trai ông. Hiện nay anh C đang lao động tại Đài Loan nhưng ông không biết địa chỉ của anh C ở đâu.

Tòa án đã quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trong các giấy vay nợ do nguyên đơn giao nộp. Tại Kết quả giám định số 11 ngày 15/6/2020 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận chữ ký, chữ viết trong các giấy vay nợ và chữ ký, chữ viết trong các văn bản của anh Trần Văn C, sinh năm 1979, địa chỉ ở thôn L, xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương và là chồng chị Nguyễn Thị H1 do cùng một người ký ra.

Tại phiên tòa, anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Trần Văn C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm xác định việc Toà án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức H là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong thời hạn giải quyết vụ án, các bên đương sự không tự thỏa thuận được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương đưa vụ án ra xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Việc xét xử tại phiên tòa thực hiện đúng trình tự luật định. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX đình chỉ yêu cầu đòi lãi tiền lãi 20.000.000 đồng của anh H; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, buộc vợ chồng chị H1, anh C phải trả anh H số tiền 130.000.000 đồng; anh C, chị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Đức H khởi kiện anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị H1 để đòi tiền vay, bị đơn là anh Trần Văn C hiện đang sinh sống ở Đài Loan, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương nên căn cứ quy định tại Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[2] Bị đơn là anh Trần Văn C hiện đang lao động tại Đài Loan nhưng không có địa chỉ, Tòa án đã yêu cầu gia đình anh C cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được, vợ anh C là chị H1 đã thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh C biết bằng điện thoại, anh C biết được việc khởi kiện của nguyên đơn đối với mình nhưng không cung cấp địa chỉ, cũng không thể hiện quan điểm gì đối với yêu cầu của nguyên đơn nên căn cứ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Điều 6, Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vụ án thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa lần hai, bị đơn anh Trần Văn C vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ lời khai của nguyên đơn anh H, bị đơn chị H1, các giấy vay tiền có chữ ký của anh H, anh C, chị H1, kết luận giám định của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương, HĐXX có đủ căn cứ xác định vào các ngày 15/4/2018 và ngày 05/5/2018, vợ chồng anh Trần Văn C, chị Nguyễn Thị H1 có vay của anh Nguyễn Đức H tổng số tiền 130.000.000 đồng (ngày 15/4/2018 là 100.000.000 đồng, ngày 05/5/2018 là 30.000.000 đồng), thời hạn vay là 01 năm. Anh H xác định anh cho vợ chồng anh C, chị H1 vay không lãi suất nhưng vợ chồng anh C hứa sẽ tự nguyện trả cho anh H mỗi tháng 4.000.000 đồng tiền lãi, anh không đòi hỏi; chị H1 trình bày hai bên không ghi trong giấy vay tiền về lãi nhưng có thỏa thuận miệng với nhau lãi suất vay là 2000 đồng/1 triệu/1 ngày nhưng chị cũng chưa trả được khoản tiền lãi nào. Ngoài lời khai của chị H1, không có chứng cứ nào khác chứng minh việc thỏa thuận lãi suất giữa hai bên nên xác định hợp đồng vay tài sản giữa vợ chồng anh C, chị H1 với anh H là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi.

[4] Theo thỏa thuận, đến ngày 15/4/2019 và ngày 05/5/2019, anh C, chị H1 có nghĩa vụ thanh toán tiền vay cho anh H nhưng cả anh H và chị H1 đều khẳng định từ thời điểm vay đến nay, anh C, chị H1 chưa trả được cho anh H khoản tiền nào. Như vậy, vợ chồng anh C, chị H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự, nên việc anh H khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh C, chị H1 trả nợ cho anh là hoàn toàn có căn cứ, được chấp nhận. Tại đơn khởi kiện, anh H yêu cầu vợ chồng anh C, chị H1 phải trả anh số tiền 150.000.000 đồng (trong đó có 130.000.000 đồng tiền gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi), trong quá trình giải quyết vụ án, anh rút một phần yêu

cầu khởi kiện, không yêu cầu anh C, chị H1 phải trả anh số tiền lãi là 20.000.000 đồng, chỉ yêu cầu trả số tiền gốc đã vay là 130.000.000 đồng, ngoài ra anh không yêu cầu trả khoản tiền nào khác. Do đó, cần đình chỉ đối với yêu cầu trả lãi 20.000.000 đồng của anh H và buộc anh C và chị H1 phải thanh toán trả cho anh H tổng số tiền gốc còn nợ là 130.000.000 đồng.

[5] Về chi phí giám định và án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Đức H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định, không yêu cầu bị đơn phải chịu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 280, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự; Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức H về việc yêu cầu anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị H1 phải thanh toán tiền lãi là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức H: Buộc anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị H1 phải trả cho anh Nguyễn Đức H số tiền gốc đã vay là 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng. Trả lại anh Nguyễn Đức H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.250.000 (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002086 ngày 09/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Đức H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, chị Trần Thị H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Trần Văn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị H1 Nhu